

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672003 - Đồ án về kỹ thuật công trình

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Khắc Phương	Quang	3671041535	10/09/1994		5,30	5,30	
2	Lưu Văn	Long	3671041560	01/01/1994		6,20	6,20	
3	Đặng Hữu	Tiền	3671041569	07/11/1993		,00	,00	
4	Tô Thái	Viễn	3671041571	14/08/1994		5,70	5,70	
5	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994		5,90	5,90	
6	Hoàng Đình	Linh	3671041579	30/08/1994		6,50	6,50	
7	Trương Mạnh	Cường	3671041608	11/01/1994		6,50	6,50	
8	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993		5,70	5,70	
9	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994		5,60	5,60	
10	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994		,00	,00	
11	Hồ Thế	Kiệt	3671041625	22/12/1993		5,40	5,40	
12	Phan Anh	Tuấn	3671041628	04/04/1994		,00	,00	
13	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994		5,10	5,10	
14	Lê Ngọc	Thông	3671041639	28/10/1994		5,40	5,40	Nợ HP
15	Đàm Văn	Sơn	3671041642	01/02/1994		6,30	6,30	
16	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994		5,60	5,60	
17	Nguyễn Hữu	Tiến	3671041652	22/08/1994		,00	,00	
18	Phạm Ngọc	Tuấn	3671041653	10/07/1992		6,30	6,30	
19	Lê Bảo	Huy	3671041656	11/06/1994		5,80	5,80	
20	Nguyễn Trọng	Kiên	3671041657	16/06/1994		,00	,00	Nợ HP
21	Hoàng	Đạt	3671041659	25/09/1993		4,20	4,20	
22	Tô Thanh	Tuấn	3671041662	20/07/1993		5,70	5,70	
23	Huỳnh Quang	Hiếu	3671041673	23/04/1994		5,30	5,30	
24	Bùi Lê Tuấn	Phong	3671041679	07/01/1994		,00	,00	Nợ HP
25	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994		5,80	5,80	
26	Dương Ngọc	Tiến	3671041830	16/10/1994		5,90	5,90	
27	Huỳnh Xuân	Hoàng	3671041831	31/01/1994		6,60	6,60	
28	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994		,00	,00	
29	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994		,00	,00	
30	Hùynh	Pháp	3671041843	24/03/1994		,00	,00	Nợ HP
31	Trịnh Hữu	Ý	3671041845	06/01/1994		4,10	4,10	Nợ HP
32	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994		5,20	5,20	
33	Nguyễn Văn	Chắt	3671041880	01/01/1993		6,60	6,60	
34	Tô Minh	Quý	3671041885	07/12/1994		5,00	5,00	
35	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993		5,80	5,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Hoàng	Luật	3671041890	15/11/1985		,00	,00	Nợ HP
37	Hứa Văn	Dũng	3671041892	05/06/1994		,00	,00	Nợ HP
38	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993		5,70	5,70	
39	Nguyễn Tiến	Dũng	3671041899	23/03/1994		,00	,00	Nợ HP
40	Đặng Bá	Thi	3671041901	06/09/1994		6,30	6,30	
41	Trần Quốc	Dũng	3671041904	06/08/1994		5,80	5,80	
42	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994		6,20	6,20	
43	Nguyễn Hoàng	Anh	3671041924	04/01/1994		,00	,00	Nợ HP
44	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994		5,90	5,90	
45	Cao Văn	Dũng	3671041927	14/07/1993		5,80	5,80	
46	Trần Trung	Hiếu	3671041929	11/11/1994		5,90	5,90	Nợ HP
47	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992		5,70	5,70	
48	Hoàng Minh	Hải	3671041932	12/04/1994		,00	,00	
49	Nguyễn Sỹ	Vũ	3671041951	17/03/1992		6,00	6,00	
50	Trần Quốc	Việt	3671041959	30/03/1994		5,70	5,70	
51	Nguyễn Thành	Hiếu	3671041971	11/10/1992		6,20	6,20	
52	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994		,00	,00	Nợ HP
53	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994		6,00	6,00	
54	Trần Xuân	Dưỡng	3671042018	08/02/1993		5,70	5,70	
55	Lê Nhựt	Tân	3671042031	06/10/1994		,00	,00	Nợ HP
56	Xành Phối	Linh	3671042045	10/11/1993		5,70	5,70	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)